

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 30

LUẬN VỀ ÁI KÍNH (Phần 2)

Thế nào là cung kính cúng dường? cho đến nói rộng ra....

Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này ?

Đáp: Trước đây tuy nói tách biệt về tự tánh của cung kính cúng dường, nhưng chưa nói tổng quát về sự chuyển đổi đối với nên cảnh, nay cần hiểu rõ ràng hai pháp này chuyển đổi đối với nên cảnh, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là cung kính cúng dường?

Đáp: Như có nên loại hữu tình đối với Phật-Pháp-Tăng-Thân giáo-Quỹ phạm, và mình thuận theo người có trí, tôn trọng người cùng chung phạm hạnh, thiết lập sự cúng dường cung kính mà an trú, nếu đối với điều này có sự cúng dường và cung kính, thì gọi đó là cung kính cúng dường

Trong này, nghĩa nên loại hữu tình như trước đã nói, đó là dự sinh hoặc là thánh giả. Đối với Phật thiết lập sự cúng dường cung kính mà an trú, là chỉ thiết lập sự cúng dường tài vật cung kính mà an trú, chứ không phải là cúng dường Pháp. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì Phật đối với các Pháp đã đạt được cứu cánh, không còn tiếp nhận pháp học từ người khác, không ai có năng lực nói pháp cho Đức Thế Tôn khiến phát sanh giác tuệ thiện xảo chưa từng có. Đối với Pháp thiết lập sự cúng dường cung kính mà an trú, có bản không nói đến cung kính cúng dường Pháp, bởi vì đối với Niết-bàn không có nghĩa về duyên. Trước đây, nói cúng dường, nghĩa là có thể làm duyên, cho nên không nói đến. Nhưng có bản nói là tuy đối với Niết-bàn không có nghĩa sinh trưởng, mà có nghĩa đối với Niết-Bàn làm cho hiểu bày rõ ràng, nghĩa là dùng tài vật và giáo pháp để cúng dường Niết-bàn khiến cho các hữu tình cung kính

mong cầu chứng được, từ đây lần lượt chuyển tiếp đoạn trừ chướng ngại

mà chứng được.

Lại nữa, Pháp có hai loại:

1. Thế tục, nghĩa là các pháp như danh, thân...
2. Thắng nghĩa, đó là cứu cánh Niết-bàn. Tuy đối với pháp thắng nghĩa không có nghĩa sinh trưởng, cho nên đối với pháp cũng có sự cung kính cúng dường.

Hỏi: Những vật cúng dường Pháp thì nên ai tiếp nhận ?

Đáp: Vật cúng dường Pháp thế tục thì sư thuyết pháp nên tiếp nhận, hoặc nên dùng vật này để viết chép Chánh Pháp. Vật cúng dường pháp thắng nghĩa, nên chịu khó giữ gìn hơn nữa, giống như giữ gìn vật dùng trong chùa tháp .

Đối với Tăng thiết lập sự cúng dường cung kính mà an trú, bao gồm cả hai sự cúng dường tài vật và pháp. Cúng dường tài vật, nghĩa là dùng các vật phẩm như hương hoa, y phục, đồ ăn uống... để cúng dường Tăng chúng, hoặc tổ chức những việc như hội lớn mỗi năm..., đó gọi là cúng dường tài vật cho Tăng, cúng dường Pháp, như là dùng những âm thanh như ba sự khế hợp, vì mọi người giải thích rộng về chánh pháp, hoặc ở trong chúng luận bàn-quyết đoán và chọn lựa; hoặc ở trong chúng ca ngợi công đức tốt đẹp, trình bày những nguyện vọng của mình khiến mọi người vui thích, những việc như vậy đều gọi là cúng dường Pháp đối với Tăng.

Đối với Thân giáo Quĩ phạm và mình thuận theo nên người có trí, tôn trọng người cùng chung phạm hạnh, thiết lập sự cúng dường cung kính mà an trú, cũng bao gồm hai loại cúng dường Tài vật và Pháp. Cúng dường tài vật, nghĩa là dùng y bát, đồ ăn thức uống, thuốc thang và mình thuận theo, nên Sa môn để cung cấp đầy đủ mà cúng dường vị ấy. Cúng dường Pháp, nghĩa là dùng ba Tạng để khuyến khích khiến họ thọ trì, hoặc giải thích giúp họ khiến cho không nghi ngờ vướng mắc, hoặc lại khuyến khích cầu mong khiến cho tu tập chánh hạnh, những sự việc như vậy đều gọi là cúng dường Pháp.

Trong cảnh thù thắng của Tam Bảo và thầy bạn đã nói ở trên, tùy thuận cúng dường cung kính mà an trú, ở trong hoàn cảnh khác thì không quyết định, có sự cúng dường thì theo như trước cần phải nói.

Hỏi: Cung kính cúng dường có đủ ở nơi nào ?

Đáp: Cõi Dục có đủ chứ không phải là cõi Sắc-Vô sắc. Ở trong cõi Dục thì bốn loại có đủ chứ không phải là Nại-lạc-ca, bởi trong địa ngục không có cúng dường tài vật mà chỉ có pháp.

Hỏi: Cúng dường tài vật và pháp này ai thiết lập, ai tiếp nhận ?

Đáp: Phật có năng lực thiết lập hai loại cúng dường tài vật và pháp đối với tất cả hữu tình, họ tùy theo sự thích hợp mà có thể tiếp nhận, tất cả hữu tình đối với Phật, tùy theo sự thích hợp có thể thiết lập cúng dường tài vật chứ không phải là cúng dường Pháp, bởi vì không có ai có năng lực nói Pháp cho Phật và không có năng lực phát sinh giác tuệ thiện xảo chưa từng có của Phật. Độc giác trừ Phật ra thì có năng lực thiết lập hai loại cúng dường tài vật và pháp đối với tất cả hữu tình, họ tùy theo sự thích hợp mà có thể tiếp nhận, tất cả hữu tình đối với Độc giác, tùy theo sự thích hợp mà thiết lập sự cúng dường tài vật, chứ không phải là sự cúng dường pháp. Xá lợi tử trừ Phật và Độc giác ra, có năng lực thiết lập sự hai loại cúng dường tài vật và pháp đối với tất cả hữu tình, họ tùy theo sự thích hợp mà tiếp nhận, tất cả hữu tình đối với Xá lợi tử, tùy theo chỗ thích hợp có thể thiết lập sự cúng dường tài vật, chứ không phải là cúng dường pháp. Đại Mục-kiền-liên trừ Phật, Độc giác và Xá lợi tử ra, có năng lực thiết lập hai loại cúng dường tài vật và pháp đối với tất cả hữu tình, họ tùy theo sự thích hợp mà có thể tiếp nhận; tất cả hữu tình đối với Đại Mục-Kiền-Liên, tùy theo sự thích hợp có thể thiết lập cúng dường tài vật, chứ không phải là cúng dường pháp. Cho đến người căn tánh nhanh nhạy đối với người căn tánh chậm chạp, tùy theo sự thích hợp có thể thiết lập hai loại cúng dường tài vật và pháp, họ tùy theo sự thích hợp mà có thể tiếp nhận; người căn tánh chậm chạp đối với người căn tánh nhanh nhạy, tùy theo sự thích hợp có thể thiết lập cúng dường tài vật chứ không phải là cúng dường pháp, họ tùy theo sự thích hợp mà tiếp nhận.

Hỏi: Nếu không dùng pháp để cúng dường Phật thì trong pháp đã nói phải thông hiểu thế nào? Như nói: “Này Tỳ kheo, lành thay! lành thay! Ông mới có thể dùng âm thanh hòa nhã trong treo tuyết vời, rõ ràng dễ hiểu, sáng tỏ, đọc tụng chánh pháp làm cho ta hoan hỷ”

Đáp: Đức Thế Tôn muốn khiến cho Văn câu chi nhĩ có được sự vô úy cho nên nói ra như vậy, chứ không phải Đức Phật tiếp nhận sự cúng dường pháp từ vị ấy. Nghĩa là Thân giáo Ca-đa-diễn-na sai Tỳ kheo ấy đi đến nơi Đức Phật, vì các Tỳ kheo ấy ở vùng lạnh lẽo biên giới xa xôi để cầu xin năm điều :

1. Xin luôn được tắm gội.
2. Dùng da thú làm áo lót thân và đồ dùng trải chỗ ngồi.
3. Xin luôn luôn mang giày da bọc quanh chân.
4. Xin trì luật để cho người thứ năm được thọ giới đầy đủ.
5. Xin phép nếu có Tỳ kheo sai người mang y cho Tỳ kheo khác,

nếu Tỳ kheo ấy không nhận thì chúng con phân xử y này như thế nào?

Vấn câu chi nhĩ vâng lời Thân giáo sai bảo đi đến nơi Đức Phật. Đức Thế Tôn với uy đức sâu nặng, hàng Thích Phạm bảo vệ thế gian hãy còn không có thể đứng gần bên để nhìn thẳng hướng hồ Tỳ kheo ấy mà vội vàng dám tự mình thưa thỉnh hay sao? Đức Phật biết sự việc này liền bảo với A-nan rằng: ông có thể dẫn Tỳ kheo kia đến phòng ngủ của Ta, trái đồ nằm mà nghỉ ngơi ở đó ! A-nan làm theo lời dạy, Đức Phật và Tỳ kheo ấy cùng nghỉ ngơi đến cuối đêm, biết Tỳ kheo ấy không còn mệt mỏi liền bảo cho biết rằng: Ông nên tụng cho ta nghe về pháp mà ông đã hiểu! Vấn câu chi nhĩ dùng ba âm thanh phù hợp tụng về pháp mà mình đã hiểu, Đức Thế Tôn hoan hỷ vì muốn làm cho Tỳ kheo ấy có được sự can đảm không sợ hãi điều gì để có thể trình bày những điều thưa thỉnh cho nên khen ngợi rằng: Lành thay! Lành thay!...

Có người đưa ra cách nói như vậy: Đức Thế Tôn khen ngợi Tỳ kheo ấy trong quá khứ đã tu nghiệp đạo thanh tịnh mà cảm được âm thanh tuyệt vời như vậy, khiến người thích nghe cho nên nói như vậy, chứ không phải là tiếp nhận sự cúng dường pháp từ Tỳ kheo ấy.

Có Sư khác nói: Đức Thế Tôn khen ngợi Tỳ kheo ấy có năng lực đọc tụng khéo léo và thọ trì các kinh như Ba-la-diễn-noa, Kiến đế... cho nên nói ra như vậy, chứ không phải là tiếp nhận sự cúng dường pháp từ Tỳ kheo ấy.

Hoặc có người nói: Bởi vì tỳ kheo ấy ở nước Phong Mã 12m các Phật sự, Đức Thế Tôn khen ngợi Tỳ kheo ấy lại khiến cho vô lượng hữu tình trong nước ấy cung kính tôn trọng tiếp nhận giáo pháp, cho nên nói ra như vậy, chứ không phải là tiếp nhận sự cúng dường pháp từ vị Tỳ kheo ấy.

Lại có người nói: Đức Phật khen ngợi đệ tử có nhiều nhân duyên chứ không phải là tiếp nhận giáo pháp; hoặc là bởi vì ngăn chặn sự phỉ bán của họ, như bảo với Vô Diệt rằng: nay ta đau lưng, ông có thể vì các Tỳ kheo mà giải thích rộng về pháp tiếp cận kiên cố, chỉ có ông có năng lực nói về sự việc thù thắng như vậy. Hoặc muốn làm cho người ấy nói năng có uy lực nghiêm túc, như bảo với Mục-Liên: Chỉ có ông có năng lực nói về pháp vi diệu cho các hàng Thích chủng ở thành Kiếp tỷ la. Hoặc muốn hiển bày công đức to lớn của người ấy, như Đức Phật khen ngợi Xa-lợi-tử rằng: ông có năng lực nói pháp như Sư tử hống, lời ông đã nói là lời quyết định.

Hỏi: Trong kinh khác nói lại thông hiểu thế nào? Như nói: “Đức Phật bảo với A-nan đà: Lành thay! Lành thay! Như ông đã nói tinh tiến

mau chóng được vô lượng bồ đề, ta nghe ông nói sinh tâm hoan hoan hỷ vô cùng”

Đáp: Đức Phật vì Khánh hỷ đã nói đúng lúc cho nên nói ra lời này, chứ không phải là tiếp nhận giáo pháp. Nghĩa là Đức Bạc-già-phạm vì giáo hóa hữu tình mà đã từng vượt qua đường xa vất vả mệt mỏi, lưng đau ê ẩm, đến dưới nên tán cây dùng y Bảy điều xếp thành bốn để làm đồ nằm, lấy y năm điều che trên thân thể, y tăng già chi làm gối kê đầu, nằm nghiêng hông bên phải giống như Sư tử chúa, bảo với A-nan rằng: Ông có thể vì các Tỳ kheo mà nói pháp, không nên để thời gian đi qua vô ích ! Lúc bấy giờ A-nan vâng theo thánh chỉ của Đức Phật vì chúng Tỳ kheo mà nói Bảy giác chi rằng: Nay các nhân giả! Những giác chi như Niệm,... là Đức Thế Tôn của chúng ta tự hiểu rõ tự nói ra, dựa vào sự chán ngán xa rời đoạn diệt mà hồi hướng đối với tất cả. Như vậy cho đến những Giác chi như Xả..., nói rộng ra cũng như vậy.

Lúc Đức Thế Tôn nghe A-nan nói về tinh tiến liền lấy lên trí kiến nhớ lại đời trước: Ta ở trong ba vô số kiếp quá khứ, nhờ vào sức mạnh tinh tiến mà tu gia hạnh nhanh chóng được trọn vẹn, mau chứng được Vô thượng Chánh giác Bồ-đề. Nghĩ rồi phát sinh hoan hỷ thù thắng, nhờ vào sức mạn của tâm hoan hỷ này mà lưng đau liền khỏi hẳn, lập tức đứng dậy sửa lại y phục ngồi xếp bàn tròn, bảo với A-nan rằng; Ông nói về tinh tiến cho đại chúng nghe chẳng? A-nan thưa với Đức Phật: Vâng đúng như vậy Đức Thế Tôn! Đức Thế Tôn khen A-nan rằng: Lành thay! Lành thay! Ta nhờ tinh tiến mà mau chứng được Bồ-Đề, nay ông nói đến nói điều này cho nên ta hoan hỷ. Đức Phật khen ngợi nói đúng lúc, chứ không phải tiếp nhận cúng dường.

Hỏi: Trong Tỳ-nại-da nói lại thông hiểu như thế nào? Như nói: “Này A-nan! Nay Ta tăng thêm pháp thiện xuất ly sinh tâm hoan hỷ vô cùng”. Nếu muốn tiếp nhận sự cúng dường pháp của người khác thì tăng trưởng pháp thiện xuất ly như thế nào?

Đáp: Bởi vì Đức Phật lấy sự việc của người khác để làm sự việc của chính mình, pháp thiện của người khác tăng thêm liền nói ra như vậy. Nghĩa là loài hữu tình phần nhiều dựa vào Phật pháp mà xuất gia với niềm tin thanh tịnh, thọ giới cụ túc, tụng trì ba tạng, ở chốn A-luyện-nhã vắng lặng tư duy, tiến vào quyết định đúng đắn đạt được quả lia dục cho đến lậu tận, hoặc gieo trồng chủng tử giải thoát sinh lên cõi trời. Đức Phật biết sự việc này vô cùng hoan hỷ nên dấy lên ý niệm như vậy: Vô lượng hữu tình nhờ uy lực của ta mà tăng trưởng pháp thiện thế gian và xuất thế gian, việc của họ đã làm cũng chính là việc của Ta,

thật là đáng vui mừng. Vì vậy nói ra như thế. Nhưng Đức Thế Tôn biết chắc chắn không tiếp nhận của sự cúng dường pháp từ người khác, bởi vì công đức của pháp thân vô cùng viên mãn, mà sinh thân chắc chắn cần đến sự cung cấp của cơm áo..., cho nên có tiếp nhận sự cúng dường tài vật của người khác

Thế nào là thân lực? Cho đến nói rộng ra...

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về chánh nghĩa. Nghĩa là hoặc có người chấp: thân lực và thân yếu kém không có tự thể riêng biệt. Như Luận phái phân biệt, họ đưa ra cách nói như vậy: Lúc tâm có lực thì nói là thân lực, lúc tâm không có lực thì nói là thân yếu kém, cho nên thân lực và thân yếu kém không có tự thể riêng biệt, do xúc xứ thâm nhiếp. Hoặc có người chấp: Tự thể của thân lực chính là tinh tiến, tự thể của thân yếu kém tức là giải đãi. Như pháp Mật Độ đã chấp, vì ngăn chặn cái chấp ấy mà biểu hiện rõ ràng có khác biệt giữa thân lực và thân yếu kém, chứ không phải là tinh tiến hay giải đãi. Có người chấp: Thân lực và thân yếu kém không có tự thể nhất định. Như phái Thí dụ, họ đưa ra cách nói như vậy: Lực của voi mạnh hơn ngựa, lực của ngựa mạnh hơn trâu, cho nên biết mạnh và yếu không có tự thể nhất định. Vì ngăn chặn cái chấp ấy mà hiển bày thân lực yếu kém có tự thể nhất định, do xúc xứ thâm nhiếp, bởi vì tự tánh của tất cả các pháp đều xác định, cho nên các pháp hữu vi đều có tự thể hơn kém đã được quyết định. Như mắt đối với sắc trông thấy rõ ràng thì gọi là sự trông thấy hơn hẳn, không rõ ràng thì gọi là yếu kém, nói rộng ra cho đến ý biết các pháp cũng lại như vậy, trong đó điều có tánh hơn kém nhất định, thân lực và thân yếu kém nên biết cũng như vậy

Hỏi: Nếu thân lực và thân yếu kém đều có tánh nhất định, thì Phái Thí Dụ chất vấn nên thông hiểu như thế nào?

Đáp: Tuy voi, ngựa... có mạnh yếu đối đãi nhau, tên gọi không quyết định mà có thể nhất định. Nghĩa là ngựa kém hơn so với voi, bởi vì Đại chủng nhiều hơn Đại chủng ít, nếu ngựa kém hơn so với trâu, thì bởi vì Đại chủng ít mạnh hơn Đại chủng nhiều. Như ngựa, các loài khác nên biết cũng như vậy, bởi vì mạnh và yếu do Đại chủng đều sai khác, cho nên đối đãi lẫn nhau tùy tên gọi tuy không nhất định mà thể luôn luôn khác biệt. Vì ngăn chặn cái chấp kỳ lạ của các tông chỉ khác như vậy, mà để biểu rõ ràng về thân lực, thân yếu kém thật sự có thể riêng biệt, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là thân lực?

Đáp: Những thân dũng mãnh, mạnh khỏe, nhanh nhẹn có năng lực làm được mọi việc thì gọi là thân lực. Luận Sư của bản luận này đối với văn nghĩa khác nhau có được sự khéo léo tài tình, cho nên dùng các loại văn từ để biểu hiện rõ ràng về thân lực mà thể không có gì sai khác.

Hỏi: Thế nào là thân yếu kém?

Đáp: Những thân dũng mãnh, mạnh khỏe, nhanh nhẹn có năng lực làm được mọi việc thì gọi là thân lực. Luận Sư của bản luận này đối với văn nghĩa khác nhau có được sự khéo léo tài tình, cho nên dùng các loại văn từ để biểu hiện rõ ràng về thân yếu kém mà thể không có gì sai khác.

Hỏi: Thân lực và thân yếu kém có mấy thứ thâm nhiếp, mấy thứ nhận biết?

Đáp: Nên thứ thâm nhiếp đó là xúc xứ, hai thức nhận biết đó là thân thức và ý thức. Trong thân thức chỉ hiểu rõ sự tướng của nó. Ý thức hiểu rõ về tự tướng và cộng tướng của nó. Lời nói này chính là ngăn chặn Luận giả phái phân biệt chấp thân lực và thân yếu kém không có tự có tự thể riêng biệt, biểu hiện rõ ràng hai thân này có tự thể riêng biệt. Nếu không có tự thể thì sẽ không phải là xúc xứ thâm nhiếp và do hai thứ nhận biết, bởi vì tâm lực có hay không có chẳng phải là xúc xứ thâm nhiếp và hai thức nhận biết, như hai lực sĩ vào lúc sáp vào nhau, cổ tay vừa giao nhau thì biết rõ đối phương mạnh hay yếu. Trong này, Luận chủ dẫn ra sự việc hiện tại để thí dụ, muốn làm cho người trí, người ngu đều được hiểu rõ. Dựa vào đây mà ngăn chặn pháp Mật Bộ chấp thân lực là tinh tấn, thân yếu kém là giải đãi, hiển bày thân lực và yếu kém không phải tinh tấn hay giải đãi. Nếu không như vậy thì cổ tay vừa giao nhau lẽ nào biết rõ mạnh hay yếu? Tinh tấn và giải đãi không phải là dùng tay tiếp xúc mà có thể biết được. Lại như người mạnh nắm lấy người yếu thì sức hơn kém biết rõ lẫn nhau cũng như vậy. Trong này, Luận chủ dẫn ra thí dụ thứ hai để tiếp xúc hiển bày về nghĩa ấy khiến cho dễ dàng biết rõ. Dựa vào đây mà ngăn chặn phái Thí Dụ chấp thân lực thân yếu kém không có tự thể nhất định, biểu hiện rõ ràng hai thân này có tự thể nhất định. Nếu không như vậy thì không phải là vừa nắm lấy liền biết rõ mạnh hay yếu, bởi vì đối đãi nhau nhờ vào pháp chứ chắc chắn không phải là do Thân thức mà có thể biết rõ được.

Hỏi: Thân lực và thân yếu kém lấy gì làm tự tánh ?

Đáp: Có người đưa ra cách nói như vậy: Lấy Đại chủng làm tự

tánh.

Hỏi: Đại chủng nào Tăng gọi là thân lực, Đại chủng nào thân gọi là thân yếu kém?

Đáp: Có người nói Đại chủng không có tăng riêng biệt, nhưng bốn đại chủng có mạnh mẽ thì gọi là thân lực, có gầy yếu gọi là thân yếu kém. Có người nói: Địa giới tăng cho nên gọi là thân lực, Thủy giới tăng gọi là thân yếu kém. Vật bên ngoài cũng như vậy, núi non, cây cối... bởi vì Địa giới tăng cho nên thể của chúng rắn chắc, dưa, bầu, mướp, bí..., bởi vì Thủy địa giới nên thể của chúng mềm yếu. Có Sư khác nói: Thân lực và thân yếu kém không phải là bốn đại chủng mà là do Xúc đã tạo ra.

Hỏi: Trong bảy xúc đã tạo ra thì cái gì tăng mà gọi là thân lực, cái gì tăng gọi là thân yếu kém ?

Đáp: Có người nói: Bởi vì tăng phần nặng cho nên gọi là thân lực, tăng phần nhẹ gọi là thân yếu kém. Vật bên ngoài cũng như vậy, nặng thì thể cứng rắn, nhẹ thì thể yếu mềm. Có người nói: Hai loại này do xúc mà tạo ra chứ không phải là do bảy xúc thân nhiếp, nghĩa là bảy loại bên ngoài có riêng xúc đã tạo ra, gọi là thân lực và thân yếu kém.

Lời bình: Nên đưa ra cách nói như vậy. Ngay nơi bốn Đại chủng và xúc đã tạo ra, đều là tư tánh của thân lực và thân yếu kém, nghĩa là nếu điều hòa cùng nhau gọi là thân lực, nếu không điều hòa cùng nhau gọi là thân yếu kém.

Hỏi: Như trong kinh nói: “Thân của Bồ-tát có đủ lực Na-la-diên” Lực này thì lượng của nó như thế nào?

Đáp: Có người đưa ra cách nói như vậy: Lực của mười con trâu bình thường bằng lực của nên con trâu lông nhỏ (hào ngư), lực của mười con trâu lông nhỏ bằng lực nên con trâu lông xanh (thanh ngư), lực của mười con trâu xanh bằng lực của một con voi bình thường, lực của mười con voi bình thường bằng lực nên con voi chúa (hương tượng), lực của mười con voi chúa bằng lực của nên Đại-nặc-kiện-na, lực của mười Đại-nặc-kiện-na bằng lực của Bác-la-tắc-kiến-đế, lực mười con Bác la tắc kiến bằng nửa lực của Na-la-diên, hai nửa lực của Na-la-diên bằng lực của nên Na-la-diên. Thân lực của Bồ-tát cùng với lực này bằng nhau.

Có Sư khác nói: Lượng này rất ít, cần phải nói là lực của mười con trâu bình thường bằng lực của nên con trâu lông nhỏ, lực của mười con trâu xanh bằng lực của nên con voi bình thường, lực của mười con

voi bình thường bằng lực của nên con voi rừng(dã tượng), lực của mười con voi rừng bằng lực của nên con voi Yết-noa-lỗ-ha, lực của mười con voi Yết-noa-lỗ-ha bằng lực của nên con voi A-la-trạch-ca, lực của mười con voi A-la-trạch-ca bằng lực của nên con voi Căng-kì-lạc-ca, lực của mười con voi Căng-kì-lạc-ca bằng lực của nên con voi ở Tuyết sơn, lực của mười con voi ở Tuyết sơn bằng lực của nên con voi ở Hương sơn, lực của mười con voi ở Hương sơn bằng lực của nên con voi ở Thanh sơn, lực của mười con voi ở Thanh sơn bằng lực của nên con voi ở Hoàng sơn, lực của mười con voi ở Hoàng sơn bằng lực của nên con voi ở Xích sơn, lực của mười con voi Xích sơn bằng lực của nên con voi ở Bạch sơn, lực của mười con voi ở Bạch sơn bằng lực của nên con voi Ốt-bát-la, lực của mười con voi Ốt-bát-la bằng lực của nên con voi Câu-mâu-đà, lực của mười con voi Câu mâu đà bằng lực của nên con voi Bát-đạt-ma, lực của mười con voi Bát-đạt-ma bằng lực của nên con voi Bôn-trà-lợi-ca, lực của mười con voi Bôn-trà-lợi-ca bằng lực của nên con voi Bát-đặc-mạc-ca, lực của mười con voi Bát-đặc-mạc-ca bằng lực của nên con voi Đại-bát-đặc-mạc-ca , lực của mười con voi Đại-bát-đặc-mạc-ca bằng lực của nên Đại Hương tượng, lực của mười con voi bình thường bằng lực của nên con voi rừng, lực của mười Đại Hương tượng bằng lực của nên Đại nặc kiện na, lực của mười Đại-nặc kiện-na bằng lực của nên Bát-la-tắc-kiến, lực của mười Bát-la-tắc-kiến bằng lực của nên Sa lãng già, lực của mười Sa lãng già bằng lực của nên Phật lãng già, lực của mười Phật lãng già bằng lực của nên Già-lộ-na, lực của mười Già-lộ-na bằng lực của nên Phật-la-già-lộ-na, lực của mười Phật-già-lộ-na bằng nửa lực của Na-la-diên, hai nửa lực của Na-la-diên bằng lực của nên Na-la-diên. Thân lực của Bồ-tát cùng với lực này bằng nhau.

Hoặc có người nói: Lượng này hãy còn ít cần cần phải nói thân của Bồ-tát có mười tám đốt xương lớn, nên đốt xương lớn đều có lực của nên Na-la-diên.

Lại có người nói: Lượng này hãy còn ít cần cần phải nói thân của Bồ-tát có mười tám đốt xương lớn, nên đốt xương lớn đều có lực của mười tám Na-la-diên.

Hoặc lại có người nói: Lượng này hãy còn ít, cần phải nói là trong thân của Bồ-tát có tổng cộng ba trăm hai mươi đốt xương lớn nhỏ, đốt xương nhỏ nhất có lực của nên Na-la-diên, đốt xương lớn tiếp đó có lực của hai Na-la-diên, lần lượt lớn hơn thì lực tăng lên gấp bội.

Có người khác lại nói: Lượng này hãy còn ít, cần phải nói thân

lực của Bồ-Tát bằng lực của nên ngàn con voi chúa Ái-la-phạt-noa. Lực con voi chúa này thì lượng ấy thế nào? Nghĩa là toàn thân của con voi chúa này tươi sáng trắng nõn như sắc hoa sen trắng Câu-mâu-đà, bảy chi an trú tốt lành có đủ sáu ngà, đầu của voi chúa đỏ hồng như sắc của Nhân-đạt-la-cù-bác-ca, sườn hai bên trái phải đều hai Du-thiện-na rười, phần thân trước sau đều nên Du-thiện-na, thân lượng vòng quanh là bảy Du-thiện-na, cao thấp chỉ nên Du-thiện-na rười. Đây là thân thường xuyên biến hóa không nhất định, voi chúa này có tám ngàn Long tượng làm quyến thuộc, thân đều tươi sáng trắng nõn như Câu-mâu-đà, có đủ sáu ngà, bảy chi an trú tốt lành, đầu ấy đỏ hồng như son trước khói lửa. Nếu Chuyển luân vương xuất hiện thế gian, thì trong những coi voi này có nên con thuận theo mà ứng hiện. Trời Tam thập tam muốn dạo chơi trong vườn, nhờ phước lực của Trời, cho nên lúc vừa khởi Tâm, khiến cho ngà của Đại tượng vương hiện ra màu sắc kì lạ, liền dấy lên ý niệm rằng; Bậc Thiên Đế Thích nay cần cỡi mình đi vào khu vườn dạo chơi. Ngay lập tức từ châu Thiệm bộ này ẩn đi mà đến hiện ra ở trước cung của Thiên Đế Thích, trên thân hiện ra ba mươi hai đầu, đều có đủ sáu ngà như màu sắc của đầu vốn có, đầu này và đầu vốn có là ba mươi ba đầu, trên mỗi nên ngà hóa làm bảy chiếc hồ, trong mỗi nên hồ hóa làm bảy đóa hoa sen, trên mỗi nên hoa sen hóa làm bảy tòa nhà báu, trong mỗi nên tòa nhà hóa làm bảy đài báu, trong mỗi nên đài báu hóa làm bảy bức rèm báu, trong mỗi bức rèm báu hóa làm bảy Thiên nữ, mỗi nên Thiên nữ hóa làm bảy người hầu hạ, mỗi nên người hầu hạ hóa làm bảy kĩ nữ tấu lên các loại kĩ nhạc. Hóa hiện như vậy rồi, lúc ấy Thiên Đế Thích và các quyến thuộc bước lên đầu voi vốn có ấy, ba mươi hai vị trời và các quyến thuộc bước lên ba mươi hai đầu voi đã được hóa hiện, gia tộc chư thiên trong mười ngàn cung thành khác bước lên trên lưng voi ấy, thân thể nhẹ nhàng cất lên giống như gió xoay tròn thổi vào cánh hoa sen hoặc lay động lớp vỏ của cây hoa, lướt hư không đi đến khu vườn dạo chơi. Lúc bấy giờ, chư Thiên đều không tự trong thấy có người nào trước sau, đến nơi rồi cùng bước xuống, tất cả đi đến khu rừng vui đùa thích thú, hưởng thụ niềm vui tuyệt vời. Lúc ấy Long tượng kia cũng tự mình hóa thân như hình dáng Thiên tử dạo chơi hưởng thụ niềm vui. Lực của voi Ái-la-phạt-noa là như vậy.

Có người nói như vậy: Lực này hãy còn ít, cần phải nói trong thân của Bồ-tát có mười tám đốt xương lớn, mỗi nên đốt xương lớn đều có lực như nên ngàn voi chúa Ái-la-phạt-noa.

Có người lại nói: Lực này hãy còn ít, cần phải nói trong thân của

Bồ-tát tổng cộng có ba trăm hai mươi đốt lớn nhỏ, đốt xương nhỏ nhất có lực như nên ngàn lần voi chúa Ái-la-phạt-noa, lần lượt lớn thì lực tăng lên gấp bội.

Đại đức nói rằng: Lực này còn ít, cần phải nói là ý lực của Bồ-tát vô biên thì thân lực cũng như vậy. Làm sao biết như vậy? Nghĩa là xưa kia Bồ-tát ở gần người Cát tường nhận bố cỏ Cát tường đi đến cội cây Bồ đề, tự mình trải ra làm chỗ ngồi ngồi xếp kiết già, phát ra lời nguyện kiên cố: Nếu chưa vĩnh khứ trừ hết các lậu và chứng được Vô thượng Bồ Đề thì ta nhất định không rời chỗ ngồi này, Vô thượng Bồ-đề từ hiện tại sắp đi vào đời vị lai. Lúc bấy giờ, ba ngàn đại thiên thế giới vang lên sáu loại chấn động, lông tóc của Bồ-tát cũng không lay động. Vì vậy cho nên biết thân lực của Bồ-tát giống như ý lực với lượng không có gì giới hạn.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao trong kinh nói thân Bồ-tát có lực của Na-la-diên?

Đáp: Bởi vì lực này cả thế gian cùng kính trọng cho nên lấy làm thí dụ mà thật ra không phải như vậy.

Hỏi: Bồ-tát nhờ đâu mà tích tập thân lực này?

Đáp: Bởi vì cần phải hiểu rõ ra tất cả đều là thù thắng. Nghĩa là các sắc lực, tộc tánh, tự tại, quyến thuộc, của cải, địa vị, công đức, danh tiếng, trí kiến, uy mãnh đều là thù thắng, cho nên hữu tình kiêu ngạo mà tiếp nhận giáo pháp. Lại nữa, muốn làm nơi nương tựa cho Vô thượng chánh đẳng Bồ Đề mà tích lập thân này. Nghĩa là Vô thượng chánh đẳng Bồ Đề của Phật cần phải dựa vào thân này mới được an trú, giả sử Vô thượng chánh đẳng Bồ-đề đặt ở trên đỉnh núi chúa Diệu Cao, thì núi chúa ấy sẽ nát vụn giống như bụi nhỏ, bởi vì Lực, Vô úy... là những pháp rất tôn trọng. Vì vậy châu Thiệm bộ trong ba ngàn đại thiên thế giới có tòa kim cương, trên cùng là phần đất, dưới dựa vào Kim luân, Bồ-tát ngồi trên đó thành tựu Chánh Đẳng Giác, trừ nơi này ra không có nơi nương tựa nào kiên cố hơn, cho nên Bồ-tát mới thành Phật, đang muốn kinh hành mà chân từ từ đặt xuống đất, lập tức làm cho đại địa vang lên sáu loại chấn động, liền phát khởi thắng giải mới có thể kinh hành. Lại nữa, vì muốn dẫn dắt thân nhiếp hữu tình đã giáo hóa giống như sai khiến, cho nên tích tập thân lực này. Nghĩa là Vô thượng Giác sử dụng lực này khiến phá tan kiêu mạn của hữu tình rồi sau đó mới hóa độ cho họ, do đó lúc tại gia cùng với những người dòng họ Thích thường xuyên đấu sức đủ mọi cách, nhưng điều thắng được tất cả, sắp nhập Niết-bàn cũng dùng thân lực điều phục các lực sĩ mà độ thoát cho

họ, nghĩa là Đức Thế Tôn đến lúc duyên hóa độ sắp hết nhập Niết-bàn tịch diệt, đi đến trong ấp Ba-la thuộc thành Câu-thi, năm trăm lực sĩ nghe tin rồi vì Đức Phật mà sửa sang đường đi ngay trên con đường ấy có tảng đá lớn dài sáu mươi khuỷu tay, rộng ba mươi khuỷu tay. Các lực sĩ ấy muốn chuyển đi nhưng dốc hết thân lực mà không thể nào làm cho nhút nhích được. Đức Thế Tôn đã đến trông thấy rồi hỏi rằng: “Đồng tử ! Các ông muốn làm điều gì?” họ nghe hỏi mà ngơ ngẩn, trộm dấy ý niệm như vậy: Thế lực của chúng ta ở châu Thiệm bộ được tôn sùng là bậc nhất, làm sao Đức Thế Tôn lại gọi là Đồng tử? Dấy lên ý niệm rồi cùng thưa với Đức Phật rằng: Chúng con vì Đức Thế Tôn mà sửa sang đường đi, cùng nhau chuyển tảng đá này nhưng không thể nào làm cho nhút nhích được, ai có thể có năng lực thương xót để trừ bỏ tảng đá này chăng? Đức Phật nói: Ta có năng lực, các người tránh ra xa! Đức Phật liền dùng ngón chân hất tảng đá đặt trong lòng bàn tay, ném lên hư không rồi rơi xuống vẫn tiếp nhận tảng đá, dùng miệng thổi tan ra làm giống như bụi nhỏ, lại làm như củ mà bỏ bên cạnh con đường. Các lực sĩ kinh ngạc ca ngợi được điều chưa từng có, cung kính lễ lạy chấp tay lại thưa với Đức Phật rằng: điều này là Như Lai dùng thần lực như thế nào? Đức Thế Tôn bảo rằng: Đưa tảng đá đặt trong lòng bàn tay lại ném lên hư không, sau lại đón lấy bỏ bên cạnh đường, đều là lực của thân do cha mẹ Ta sinh ra, dùng miệng thổi tan ra khiến cho giống như bụi nhỏ là lực của thần thông, hợp lại như củ là lực của thắng giải. Các lực sĩ nghe rồi hoan hỷ nhảy múa, lại thưa với đức Phật rằng: Có thể có lực khác có năng lực hơn hẳn lực như vậy của Đức Thế Tôn hay không? Đức Phật trả lời rằng: Có, đó là lực của Vô thường. Đức Phật bảo với các lực sĩ: Đó là thân lực do cha mẹ sinh ra, hoặc là lực của thần thông, và lực của thắng giải, hôm nay vào giữa đêm đều hoại diệt vì lực của Vô thường. Lúc ấy các lực sĩ nghe lời Đức Phật đã nói sinh lòng hết sức chán ngán xa lìa đối với thế gian, Đức Phật liền vì họ mà nói pháp quan trọng đúng như ý muốn khiến cho các lực sĩ và vô lượng trời người còn lại ở nơi ấy đạt được Pháp nhãn thanh tịnh, vĩnh viễn rời xa nẻo ác. Bởi vì Hữu thứ tám... Cho nên dẫn dắt thâm nhiếp hữu tình đã được giáo hóa, giống như sai khiến mà tích tập thân lực này.

Hỏi: Thân lực của Bồ-tát viên mãn vào lúc nào?

Đáp: Vào lúc hai mươi lăm tuổi, từ đây về sau đến năm tròn năm mươi tuổi thì lực ấy không giảm sút qua thời gian này về sau thì thân lực của Đức Thế Tôn dần dần suy thái. Có người nói: Thân lực của đức Thế Tôn không giảm sút, giống như ý lực không có gì suy thoái

Lời bình: Pháp thân của Như Lai tuy không có gì suy thoái, mà lực của sinh thân sinh chắc chắn có giảm sút, bởi vì các quả dị thực có suy thoái. Vì vậy Tôn giả Ô-đà-di nói “Nay thấy sắc lực của Đức Thế Tôn suy giảm, các căn biến đổi, nghĩa là năm sắc căn”

Hỏi: Những hữu tình khác có lực này hay không?

Đáp: lực này là bất cộng, tất cả hữu tình không có được, chỉ riêng thân cuối cùng của Bồ-tát mới có được. Như đầu tiên nói: Lực và Lượng của Bồ-tát rất là sút giảm mà hãy còn khó có được, huống là nói cách thứ hai, cách thứ ba... mà loài hữu tình khác lại có được hay sao? Nhưng lúc thế giới Hiền kiếp này mới thành, có những hữu tình có đủ năng lực của Na-la-diên, hoặc có người có nên nửa lực của Na-la-diên, hoặc có người có lực cả Bát-la-tắc-kiến-đề, hoặc có người có lực của Ma-ha-nặc-kiện-na. Những lực sĩ này đầy khắp thế gian, qua thời gian này về sau dần dần sút giảm, cho đến thời gian hiện tại hoàn toàn không có lực ấy.

Lúc Đức Phật tại thế có ba người dòng họ Thích có đủ năng lực của Bát-la-tắc-kiến-đề, đó là A-nan-đà, Thích tử Thiết ma, Thích nữ-cù Bà. Lúc bấy giờ cũng có đầy đủ những người có lực của Ma-ha-nặc-kiện-na, lực của voi, lực của ngựa, lực của trâu... không thể nào kể xiết. Hoặc Độc giác Lâm giác cũng có lực của Na-la-diên, hoặc Độc giác Bộ hành du thì lực ấy không thể nói chắc chắn được, bởi vì họ phần nhiều là chủng tánh Thanh văn, về sau gặp duyên khác biệt mà đạt được quả Vô học, tuy vui với sự tịch tĩnh mà có lúc ở trong chúng, như năm trăm vị Tiên cùng ở chung nên nơi mà đạt được quả.

Lâm giác dụ thì cần tánh thù thắng cho nên thích rời ra nên mình, nên biết rằng Đức Phật chắc chắn không có hai vị cùng xuất hiện ở thế gian, như Xá-lợi-tử hãy còn không có cùng lúc xuất hiện, huống là Lâm giác dụ hơn hẳn Xá-lợi-tử gấp nhiều lần ư? Những người Thanh văn thì lực ấy không nhất định, như nói về Độc giác Bộ hành dụ. Lực của các Chuyển-luân-vương cũng nhất định Luân vương cai quản bốn châu thì có lực của Na-la-diên, Luân vương cai quản ba châu thì có lực của Phật lẳng già, Luân vương cai quản hai châu thì có lực của Bát-la-tắc-kiến-đề, Luân vương cai quản nên châu thì có lực của Ma-ha-nặc-kiện-na. Bốn luân báu này cũng có sai khác. Luân vương cai quản bốn châu thì có Kim luân báu, lượng ấy đích thực bằng bốn Câu-lô-xá, Luân vương cai quản ba châu thì có Ngân luân báu, lượng ấy đích thực bằng ba Câu-lô-xá, Luân vương cai quản hai châu thì có Đồng luân báu, lượng ấy đích thực bằng hai Câu-lô-xá, Luân vương cai quản nên châu thì có

Thiết luân báu, lượng ấy đích thực bằng nên Câu-lô-xá. Như bốn luân báu có sự sai biệt này, nên biết vật báu khác cũng có hơn kém, nghĩa là Luân vương của quản bốn châu thì vật báu khác tốt đẹp nhất, cho đến các Luân vương cai quản nên châu thì vật báu xấu kém nhất.

Hỏi: Thân lực của các loài hữu tình đã khác nhau, thì sự an lập của xương cốt có cái sai biệt hay không?

Đáp: Cũng có sai biệt, nghĩa là lực của người bình thường thì các đốt xương cách xa nhau, người có lực của voi, ngựa thì các đốt xương gần khít nhau, người có lực của Đại Nặc-kiện-na thì các đốt xương tiếp cận nhau như những tấm ván ghép liền nhau, người có lực của bát la tắc kiến đề thì những đốt xương móc lấy nhau, người có lực của Na la diên thì những đốt xương nối liền nhau như sợi xích, những đốt xương của Bồ-tát lần lượt chuyển tiếp đan xen nhau như rỗng cuộn khúc kết chặt lại, cho nên hơn hẳn. Đã nói về thân lực của Đức Phật, nay sẽ nói đến ý lực. Nghĩa là Phật Thế Tôn thành tựu vô biên công đức không thể nghĩ bàn như mười lực-bốn vô sở-ba niệm trú..., tùy theo công dụng sai biệt mà lập ra các tên gọi, đủ đối với mười loại để gọi là ý lực. Thế nào gọi là mười loại? Đó là:

1. Trí lực về xứ phi xứ
2. Trí lực về nghiệp pháp tập
3. Trí lực về tĩnh lực-giải thoát-đẳng trì-đẳng chí-phát khởi-tập
nhiệm-thanh tịnh
4. Trí lực về cá loại cảnh giới
5. Trí lực về các loại thắng giải
6. Trí lực về căn hơn kém
7. Trí lực về hành của mọi nẻo
8. Trí lực về túc trú tùy niệm
9. Trí lực về sinh tử
10. Trí lực về lậu tận

Hỏi: Mười lực như vậy lấy gì làm tự tánh, nghĩa là ý lực của Đức Phật do trí mà thành, lấy trí làm thể do trí mà thấu nhiếp. Như trong kinh nói: “Biết rõ ràng như thật đối với xứ-phi xứ...” cho đến nói rộng ra. Đã nói đến tự tánh, nguyên cơ nay sẽ nói.

Hỏi: Vì sao gọi là lực, Lực là nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa về không thể làm cho khuất phục là nghĩa của lực, nghĩa về không bị đè nén, nghĩa về không bị bẽ gãy, nghĩa về không bị làm hại, nghĩa về không thể làm lay chuyển, nghĩa về không bị che lấp, nghĩa về có năng lực hiểu biết khắp cả, nghĩa về có năng lực gánh

vác, nghĩa về kiên cố, nghĩa về tối thắng, nghĩa về có năng lực chế phục người khác, chính là nghĩa của Lực.

Giới là trí lực về túc trí tùy niệm và trí lực về sanh tử thuộc cõi Sắc những trí lực còn lại nếu là hữu lậu thì hệ thuộc ba cõi, vô lậu thì đều là không hệ thuộc.

Địa là trí lực về túc trí tùy niệm và trí lực về sinh tử về bốn Tịnh lự căn bản, là tánh chung, cận thân Vô sắc và bất định địa không phải là chung sở ý cho nên không có hai trí lực này. Những lực khác, nếu hữu lậu thì thuộc về mười nên địa, đó là cõi Dục-bốn Tịnh lự-bốn vô sắc và vị trí định-Tịnh lự trung gian, nếu vô lậu thì thuộc về chín địa.

Sở y là đều dựa vào người cõi Dục với thân đại tướng phu của châu Thiệm bộ, bởi vì chỉ dựa vào thân này mà được thành Phật. Hành tướng là mười hành tướng của trí lực về xứ-phi xứ và trí lực về hành của mọi nẻo, hoặc là hành tướng khác, tám hành tướng khổ-tập của trí lực về nghiệp-pháp-tập, hoặc là hành tướng khác. Trí lực thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu là mười hai hành tướng khổ-tập và đạo, hoặc là hành tướng khác. Trí lực về túc trú tùy niệm và trí lực về sanh tử là hành tướng khác chứ không phải là mười sáu hành tướng. Trí lực về lậu tận là sự ham muốn đối với các quả báo khiến duyên vào cảnh lậu tận thì đó là nói đến bốn hành tướng của Diệt hoặc là hành tướng khác, sự ham muốn với các quả báo khiến dựa vào thân lậu tận gọi là trí lực về lậu tận thì đó là nói đến mười sáu hành tướng, hoặc là hành tướng khác.

Sở duyên là trí lực về xứ-phi xứ duyên với tất cả pháp, trí lực về nghiệp-pháp-tập chỉ duyên với Khổ-Tập, trí lực thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu duyên với ba đế, trừ Diệt đế, trí lực về hành của mọi nẻo chỉ duyên với bốn đế, trí lực và túc trí tùy niệm duyên với năm uẩn của đời trước thuộc cõi dục và cõi Sắc, trí lực về sanh tử duyên với sắc xứ, trí lực về lậu tận nếu duyên với cảnh lậu tận thì duyên với Diệt đế, nếu dựa vào thân lậu tận thì duyên với tất cả pháp.

Niệm trú là trí lực về các loại thắng giải và trí lực về túc trú tùy niệm, chỉ riêng pháp niệm trú, trú lực về sanh tử, chỉ riêng thân niệm trú, trú lực về lậu tận, nếu như duyên với cảnh lậu tận thì là pháp niệm trú, dựa vào thân lậu tận thì đầy đủ bốn Niệm trú, những lực khác đều gồm cả bốn niệm trú.

Trí thì trí lực về xứ-phi xứ và trí lực về hành của mọi nẻo gồm chung mười trí. Trí lực về nghiệp Pháp tập chỉ có tám trí, trừ ra Diệt Đạo trí. Trí lực thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu chỉ có chín trí, trừ ra Diệt trí. Trí lực về túc trí tùy niệm và trí lực về sinh tử chỉ có thể tục trí. Trí lực về

lậu tận thì chỉ có sáu trí, đó là Pháp trí-Loại trí-Diệt trí-Tận trí-Vô sinh trí và Thế tục trí, nếu dựa vào thân lậu tận thì gồm chung mười trí.

Tam-ma-địa cùng hành thì trí lực về xứ phi xứ và trí lực về hành của mọi nẻo, có đủ Tam-ma-địa hoặc không có đủ. Trí lực về nghiệp pháp tập duyên với Khổ-Tập thì có đủ Không-Vô nguyện hoặc không có đủ. Trí lực thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu duyên với Khổ Tập Đạo thì có đủ không-vô nguyện hoặc không có đủ. Trí lực về túc trí tùy niệm và trí lực về sanh tử không phải là Tam-ma-địa cùng có. Trí lực về lậu tận, nếu duyên với cảnh lậu tận thì vô tướng có đủ hoặc không đủ, nếu dựa vào thân lậu tận thì ba Tam-ma-địa cùng có hoặc không cùng có.

Căn tương ứng thì nói tổng quát đều tương ứng với ba căn, đó là Lạc-Hỷ và Xả căn

Quá khứ-vị lai-hiện tại thì mười lực này đều thông với ba đời.

Duyên với quá khứ -vị lai-hiện tại là trí lực về xứ-phi xứ và trí lực về hành của mọi nẻo, duyên với ba đời và lìa xa đời. Trí lực thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, duyên với ba đời. Trí lực về túc trí tùy niệm, Quá khứ-hiện tại-vị lai thì duyên với quá khứ, vị lai thì duyên với ba đời. Trí lực về sinh tử, nếu là Quá khứ thì duyên với Quá khứ, hiện tại thì duyên với hiện tại, sinh pháp vị lai thì duyên với vị lai, nếu duyên cảnh lậu tận thì duyên với lìa xa đời, nếu dựa vào thân lậu tận thì duyên với ba đời và lìa xa đời.

Thiện-Bất thiện và vô ký thì mười lực này đều là thiện.

Duyên với thiện-bất thiện với vô ký, trí lực về lậu tận nếu duyên với cảnh lậu tận thì chỉ duyên với thiện, nếu dựa vào thân lậu tận thì duyên với ba loại. Chín lực còn lại đều duyên với ba loại. Có Sư khác nói: Trí lực thứ ba chỉ duyên với thiện và vô ký. Vấn đề ấy không nên nói như vậy, bởi vì lực này duyên với tất cả pháp hữu vi tạp nhiễm và thanh tịnh, mà trong pháp tạp nhiễm thì có bất thiện.

Hệ thuộc và không lệ thuộc, trí lực về túc trí tùy niệm và trí lực về sinh tử chỉ hệ thuộc cõi Sắc. Tám lực còn lại, nếu là hữu lậu thì hệ thuộc ba cõi, nếu là vô lậu thì không hệ thuộc.

Duyên với hệ thuộc và không hệ thuộc, thì trí lực về túc trí tùy niệm và trí lực về sinh tử duyên với hệ thuộc cõi Dục-cõi Sắc. Trí lực về nghiệp-pháp -tập duyên với hệ thuộc ba cõi. Trí lực về lậu tận, nếu duyên cảnh với lậu tận thì duyên không hệ thuộc, nếu dựa vào thân lậu tận thì duyên với hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc. Những lực còn lại duyên với hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc.

Học-vô học phi học-phi vô học, thì trí lực về túc trí tùy niệm và

trí lực về sinh tử chỉ có phi học và phi vô học. Tám lực còn lại nếu là vô lậu thì đó là Vô học, nếu là hữu lậu thì đó là phi học phi vô học

Duyên với học-vô học và phi học phi vô học, thì trí lực về nghiệp-pháp-tập, trí lực về túc trí tùy niệm và trí lực về sanh tử chỉ duyên với phi học phi vô học. Trí về lậu tận, nếu duyên với cảnh lậu tận thì chỉ duyên với phi học phi vô học, nếu dựa vào thân lậu tận thì duyên với ba loại. Những lực còn lại đều duyên với ba loại.

Do kiến mà đoạn-do tu mà đoạn và không đoạn, thì trí lực về túc trí tùy niệm và trí lực về sinh tử chỉ do tu mà đoạn. Tám lực còn lại, nếu là hữu lậu thì tu mà đoạn, nếu là vô lậu thì không đoạn.

Duyên với do kiến mà đoạn-do tu mà đoạn và không đoạn, thì trí lực về nghiệp-pháp-tập và trí lực về túc trí tùy niệm duyên với do kiến-tu mà đoạn, trí lực về sinh tử duyên với tu mà đoạn. Trí lực về lậu tận, nếu duyên cảnh với lậu tận thì duyên với không đoạn, nếu dựa vào thân lậu tận thì duyên với ba loại. Những lực còn lại đều duyên với ba loại.

Duyên với danh-duyên với nghĩa, thì trí lực về các loại thắng giải-trí lực về căn hơn kém về sanh tử chỉ duyên với nghĩa. Trí lực về lậu tận. Nếu duyên với cảnh lậu tận thì chỉ duyên với nghĩa, nếu dựa vào thân lậu tận thì duyên với tất cả danh và nghĩa. Những lực còn lại đều duyên với danh và nghĩa.

Duyên tự tương tục-tha tương tục và phi tương tục, thì trí lực xử phi xử và trí lực về hành của mọi nẻo duyên với ba loại. Trí lực về lậu tận, nếu duyên với cảnh với lậu tận thì duyên với phi tương tục, nếu dựa vào thân lậu tận thì duyên với ba loại. Những lực còn lại thì duyên với tự tha tương tục.

Gia hạnh đắc và ly nhiễm đắc, thì mười lực này đều có thể nói là do hạnh đắc, bởi vì trải qua ba vô số kiếp tích tập gia hạnh thù thắng mà đạt được, đều có thể nói là ly nhiễm đắc, bởi vì lúc lia nhiễm với Hữu Đảnh đạt được Tận trí mà đạt được các lực.

Hỏi: Mười lực như vậy thì gia hạnh như thế nào?

Đáp: Gia hạnh này có hai loại:

1. Gia hạnh gần, đó là thuận quyết trạch phần...
2. Gia hạnh xa, đó là bắt đầu từ lúc không lui sụt tâm Bồ-đề...

Hỏi: Trí lực về nghiệp-pháp-tập và trí lực về sanh tử đều có thể duyên với nghiệp, có gì sai biệt?

Đáp: Từ nhân đi vào quả là trí lực về nghiệp-pháp-tập, từ quả đi vào nhân là trí lực về sinh tử. Như nhân quả, như vậy thì không hiện

thấy, hiện thấy, xa gần cũng thế.

Hỏi: Vô biểu nghiệp làm sao biết được?

Đáp: Từ quả đi vào nhân, từ thô đi vào tế, từ hiện thấy đi vào không hiện thấy, từ gần đi vào xa, như vậy mà biết được.

Hỏi: Trí lực về túc trí tùy niệm và trí lực về sinh tử, hàng Nhị thừa cũng có vì sao chỉ riêng Đức Phật là kiến lập về lực mà hàng Nhị thừa chỉ nói là trí?

Đáp: Trước đây nói về các nghĩa như không thể làm cho khuất phục... là nghĩa của lực, hàng Nhị thừa tuy có mà không có nghĩa này cho nên không gọi là lực, như Xá-lợi-tử tuy tiến vào Tinh lự thứ tư mà không biết rõ những sự việc như con người sẽ sinh về nơi nào và từ đâu mà đến...

Hỏi: Hàng Nhị thừa cũng có trí về lậu vĩnh viễn không còn, tại sao không phải là lực?

Đáp: Bởi vì trí Phật mạnh mẽ-sắc bén-nhanh chóng đoạn trừ phiền não và tập khí còn lại của nó, chứ không phải là hàng Nhị thừa. Lại nữa trí Phật có năng lực biết rõ không sai lầm về thời gian tự-tha tương tục và các lậu vĩnh viễn không còn, Thanh văn và Độc giác không có năng lực như vậy. Lại nữa, không bởi vì tự mình biết các lậu không còn mà gọi là lực lậu tận, mà bởi có năng lực biết rõ về lậu tận sai biệt của các loài hữu tình trong vô biên thế giới khác và vì họ nói về phương tiện lậu nên cánh rõ ràng không sai lầm thì gọi là lực lậu tận, Thanh văn và Độc giác không có nghĩa như vậy.

